



VỀ ĐỔI MỚI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

VŨ VĂN VIÊN(*)

Bài viết luận chứng cho hai luận điểm sau: Thứ nhất, sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác - Lênin. Thứ hai, sự cần thiết phải chú trọng đến kiến thức cơ bản trong quá trình đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác - Lênin. Để chú trọng tới khối kiến thức cơ bản, theo tác giả, cần tăng cường hơn ba nội dung nghiên cứu và giảng dạy triết học là: 1. Các quy luật, phạm trù... của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; 2. Triết học trong khoa học tự nhiên; 3. Logic học.

① Ông cuộc đổi mới toàn diện đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi công tác nghiên cứu lý luận cần phải giải quyết. Để giải đáp được các vấn đề mà thực tiễn đất nước đặt ra, chúng ta cần phải đổi mới và nâng cao chất lượng của công tác nghiên cứu lý luận, trong đó có *đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học*.

Quá trình đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học thời gian qua đã đem lại diện mạo mới cho sự phát triển của triết học. Triết học đã có những đóng góp nhất định trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, theo chúng tôi, *một mặt*, trong thời gian tới, chúng ta cần phải *tiếp tục đổi mới hơn nữa* công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học. *Mặt khác*, trong quá trình đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học, chúng ta cần chú trọng hơn đến kiến thức cơ bản. Kiến thức cơ bản là cái cốt lõi vừa làm nên nội dung, vừa thể hiện bản chất của mỗi học thuyết triết học. Nó có giá trị bền vững mà các ví dụ minh họa cụ thể không thể thay thế được. Nắm vững kiến thức cơ bản là chìa khoá để người nghiên cứu, người học tập triết học đi vào chiều sâu của học

thuyết và vận dụng sáng tạo, đúng đắn, khoa học vào những công việc cụ thể mà mình quan tâm, giải quyết.

1. Sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác - Lênin

Trong thời gian qua, chúng ta đã có những đổi mới nhất định về công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học. Về đào tạo, chúng ta thường xuyên tổ chức giảng dạy triết học nói chung, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng cho các tầng lớp cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành. Nhờ vậy, năng lực tư duy lý luận khoa học, trong đó có tư duy triết học được nâng cao. Điều đó đã góp phần nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, các ngành. Hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội ngày càng rõ. Về nghiên cứu, chúng ta đang thực hiện gắn việc nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu triết học nói riêng với các vấn đề của thực tiễn đất nước. Nhờ đó, công tác nghiên cứu triết học đã gắn bó với thực tiễn hơn. Triết học cùng với các ngành khác đã góp phần

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng phòng Logic học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

nhất định vào việc giải quyết các vấn đề do lý luận và thực tiễn đặt ra. Những thành tựu do việc đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học đem lại là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, có thể khẳng định công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được những yêu cầu mà thực tiễn đất nước đặt ra. Vì vậy, *cần phải tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học hơn nữa*. Trong đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học thời gian tới, chúng ta cần chú ý tới ***kiến thức cơ bản và tính toàn diện*** của triết học Mác – Lênin.

Việt Nam là một nước chậm phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nước ta thành một nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra chủ trương ***chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*** nhằm tranh thủ các thời cơ mà toàn cầu hoá đem lại; đồng thời, chủ động khắc phục những hạn chế của nó, đặc biệt là những tác động tiêu cực trong lĩnh vực chính trị – xã hội.

Từ thực tế đầy phức tạp của toàn cầu hoá, để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần phải có những định hướng và giải pháp đúng đắn, khoa học trong quá trình hội nhập quốc tế nói riêng, phát triển đất nước nói chung. Chỉ có xây dựng được một chiến lược phát triển đúng đắn, chúng ta mới tạo ra được những bước đi vững chắc để đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước, tránh tụt hậu và đảm bảo theo kịp các nước tiên tiến. Triết học phải góp phần quan trọng vào việc giải quyết vấn đề nêu trên.

Như đã biết, trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã xác định giáo dục - đào tạo là quốc sách, phát triển khoa học - công nghệ là trung tâm. Như vậy, có thể

nói, trong sự nghiệp đổi mới, Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó có nghiên cứu và giảng dạy triết học. Thực hiện chủ trương trên, trong thời gian vừa qua, chúng ta đã có những đổi mới căn bản về giáo dục, đào tạo; chẳng hạn, đã tăng mức đầu tư cho giáo dục - đào tạo, từng bước xã hội hoá, đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo; từng bước đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục - đào tạo, tăng cường đầu tư cho khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn,... Những đổi mới trên đã góp phần nhất định vào sự nghiệp phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ ở nước ta thời gian qua. Tuy nhiên, so với các yêu cầu của thực tiễn đất nước, thì công tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học vẫn còn nhiều bất cập. Cùng chung bối cảnh ấy, công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học cũng còn nhiều hạn chế. Để giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ thực hiện được vị trí “quốc sách”, “trung tâm”, chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học nói chung, đổi mới hơn nữa công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học nói riêng.

Có một lý do quan trọng nữa để *tiếp tục đổi mới* hơn nữa công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học, đó là vị trí đặc thù của triết học trong hệ thống khoa học. Triết học với các chức năng chủ đạo là thế giới quan, phương pháp luận, nhận thức luận, một mặt, phải tham gia tích cực vào quá trình hoạch định đường lối đổi mới, đường lối chiến lược, sách lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, cũng như việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Cùng với điều đó, triết học phải tham gia một cách tích cực hơn nữa vào sự phát triển của khoa học nước nhà. Ở khía cạnh này, triết học không chỉ

và không nên chỉ dừng lại ở vấn đề bản thể luận chung (cái gì có trước, cái gì có sau), phương pháp luận chung (biện chứng hay siêu hình) mà phải cùng với các khoa học khác phát hiện, xây dựng và luận giải những vấn đề cơ bản của khoa học, công nghệ và đời sống hiện đại. Chẳng hạn, triết học cần phải quan tâm hơn nữa về **các công cụ nhận thức mới**. Thông thường, các công cụ này được các ngành khoa học khác phát hiện, song triết học phải góp phần làm rõ cơ sở khách quan của chúng cũng như giá trị nhận thức và thực tiễn mà chúng đem lại; chẳng hạn, những công cụ nhận thức mà lôgic học hiện đại xây dựng cần được triết học lý giải trên bình diện thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng nhằm làm sâu sắc thêm giá trị của chúng. Đồng thời với sự tham gia này mà triết học tự làm giàu thêm hệ thống khái niệm, phạm trù của mình, cũng như của khoa học nói chung. Nói một cách khái quát, việc nghiên cứu và giảng dạy triết học phải được triển khai một cách toàn diện hơn, không chỉ giới hạn theo cách mà các giáo trình hiện nay vẫn làm. Ngoài phần chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử ra, còn cần phải có những nội dung khác.

2. Phải chú trọng đến kiến thức cơ bản trong quá trình đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác-Lênin

Rõ ràng, việc tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học là một nhu cầu bức xúc hiện nay. Nó phản ánh tính tất yếu khách quan trong sự phát triển khoa học, cũng như trong bối cảnh phát triển đất nước.

Sự đổi mới này cần phải được tiến hành từ nhiều góc độ khác nhau. Bên cạnh việc nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề thời sự của đất nước đang đặt ra, chúng tôi cho

rằng, cần **phải chú trọng thích đáng đối với kiến thức cơ bản, tránh xu hướng chạy theo những vấn đề trước mắt mà lãng quên các vấn đề cơ bản**. Với suy nghĩ như vậy, chúng tôi sẽ đề cập đến một vài điểm cụ thể mang tính gợi mở, góp phần nâng cao việc chú trọng đến kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy triết học thời gian tới.

Thứ nhất, phải tăng cường nghiên cứu và giảng dạy các quy luật, phạm trù... (gọi chung là những kiến thức cơ bản) **của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử**. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, do những nhu cầu thực tế trước mắt, trong thời gian qua, các nghiên cứu triết học đã cố gắng bám sát những vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra. Nhìn tổng thể, chúng ta thấy các đề tài nghiên cứu, kể cả các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ thường tập trung vào những lĩnh vực này. Đây là hướng đi đúng. Song, nếu chỉ chú ý đến các nghiên cứu ứng dụng - thậm chí đã có những luận án, luận văn quá sa đà vào những vấn đề quá cụ thể của cuộc sống nên đã dẫn đến tình trạng ít tính triết học - thì lại là một thiết sót, nếu không muốn nói là sai lầm. Triết học, mặc dù có vị trí đặc thù như đã nói trên, nhưng nó không thể và không đủ khả năng để làm thay các ngành khác, và cũng cần phải nhấn mạnh thêm rằng, nó không thể làm thay chính trị. Trong thời gian qua, sự phân biệt này đôi khi chưa rõ. Mặc dù triết học phải phục vụ chính trị, là cơ sở lý luận cho chính trị nhưng không thể thay thế chính trị, lẫn lộn với chính trị. Để khắc phục những hạn chế trên, theo chúng tôi, trong thời gian tới, cùng với những đề tài có tính chất "thời sự", chúng ta cần tăng cường công tác nghiên cứu cơ bản. Ngoài các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, cần có nhiều đề tài cấp bộ, cả đề tài cấp Nhà nước nữa về nghiên cứu cơ bản.

Về công tác giảng dạy, chúng tôi thấy có tình trạng trong các bài giảng do quá nhấn mạnh vấn đề vận dụng mà vô tình đã làm loãng việc nắm bắt các tri thức cơ bản. Trong các sách giáo khoa hiện nay, số lượng các trang viết về sự vận dụng quá nhiều. Khi giảng dạy và học tập, người thầy lại quá nhấn mạnh vào phần vận dụng (vì đó mới là cái mới), trò cũng phải cố nhớ cái mới ấy, từ đó mà việc bị hổng kiến thức cơ bản là chuyện dễ hiểu. Hơn thế, các phần vận dụng, minh họa này cũng hết sức thiên lệch. Chúng ta ít thấy, nếu không nói là không thấy những minh họa, những vận dụng trong tự nhiên, trong khoa học, công nghệ mà chủ yếu là trong lĩnh vực xã hội, chính trị. Điều đó, một mặt, dễ gây tâm lý đồng nhất triết học với chính trị; mặt khác, nó tạo ra một sự minh họa phiến diện, không làm rõ được bản chất khoa học của các tri thức cơ bản.

Chúng tôi cho rằng, để tiếp tục đổi mới công tác giảng dạy triết học, cần thiết phải có những lý giải sâu sắc hơn về các kiến thức cơ bản; đồng thời lại phải có những minh họa, vận dụng đa dạng hơn, sâu sắc hơn.

Một vấn đề nữa liên quan đến giảng dạy là chất lượng giáo trình. Có ý kiến cho rằng, giáo trình viết sau (mới) lại có chất lượng kém hơn giáo trình viết trước (cũ), thậm chí giáo trình dành cho nghiên cứu sinh và học viên cao học lại kém hơn giáo trình dành cho sinh viên đại học, cao đẳng. Rõ ràng là, công tác biên soạn giáo trình, sắp xếp nội dung học cho các cấp học cần phải được *cải tiến một cách mạnh mẽ, triết học hơn, khoa học hơn*. Cùng với giáo trình, việc sử dụng đội ngũ giáo viên triết học cũng là vấn đề cần quan tâm. Giảng dạy là lao động bậc cao. Vì thế, giờ chuẩn cho một giáo viên trong một năm học là không nhiều. Song, thực tế cho thấy, số giờ giảng thực của giáo viên cao gấp nhiều lần quy

định, cá biệt có những giáo viên giảng ba ca mỗi ngày – một thứ chạy xô không hơn không kém. Thử hỏi, việc sử dụng đội ngũ giáo viên như vậy làm sao có thể đảm bảo chất lượng bài giảng được. Các nhà quản lý, các cơ sở giáo dục đào tạo phải chú ý tới công tác bố trí giờ giảng đối với cán bộ giảng dạy trong và ngoài cơ sở một cách hợp lý hơn.

Thứ hai, phải chú ý đúng mức hơn nữa tới việc nghiên cứu và giảng dạy **những vấn đề triết học trong khoa học tự nhiên**. Có cơ sở để khẳng định rằng, triết học trong khoa học tự nhiên là vốn kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin. Việc hình thành các nguyên lý, quy luật, v.v. của triết học là do sự khái quát các thành tựu khoa học về tự nhiên, về xã hội và về tư duy, trong đó các thành tựu của khoa học tự nhiên là cực kỳ quan trọng. Trong lịch sử, các trào lưu triết học, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật, trong đó có chủ nghĩa duy vật biện chứng gắn bó một cách rất chặt chẽ với khoa học tự nhiên. Đó là một sự thật.

Ở nước ta hiện nay, công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học trong khoa học tự nhiên còn nhiều bất cập. Về *nghiên cứu*, mặc dù chúng ta đã có một số công trình liên quan đến triết học trong khoa học tự nhiên song cũng còn quá ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà khoa học, chưa tạo ra được sự liên kết, gắn bó giữa các nhà triết học và các nhà khoa học tự nhiên, ảnh hưởng của triết học đối với các nhà khoa học tự nhiên còn quá thấp. Điều này cũng gây hạn chế rất lớn đối với sự phát triển của bản thân triết học.

Về *giảng dạy*, hiện nay, trong đào tạo sinh viên triết học, chúng ta đã có môn triết học trong khoa học tự nhiên (từ 45 đến 60 tiết). Thời lượng như vậy là quá thấp. Rõ ràng, đây cũng là một nguyên

nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo sinh viên triết học, cũng như cán bộ nghiên cứu triết học sau này. Một thực tế đáng buồn là nhiều cơ sở đào tạo sinh viên triết học chưa có tổ bộ môn về môn học này.

Có thể nói, triết học trong khoa học tự nhiên là một bộ phận không thể thiếu của triết học. Việc phát triển bộ môn này không chỉ có ý nghĩa hạn hẹp trong phạm vi của nó, mà còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của triết học nói chung. Chúng ta không thể biến nền triết học của chúng ta thành môn "triết học xã hội" được, mặc dù *triết học xã hội* là bộ phận không thể thiếu của triết học. Tư duy triết học là tư duy phổ quát. Nó phải được phát triển trên nền của mọi lĩnh vực, các lĩnh vực này lại bổ sung cho nhau tạo nên một tư duy triết học sống động, sắc sảo, đủ sức xây dựng, phát triển các nguyên lý triết học.

Từ những căn cứ trên, chúng tôi cho rằng, trong thời gian tới, chúng ta cần chú ý tới việc tăng cường công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học trong khoa học tự nhiên. Đặc biệt, các cơ sở đào tạo sinh viên chuyên triết cần phải có tổ bộ môn triết học trong khoa học tự nhiên và phải tăng số lượng giờ giảng cũng như chất lượng môn học. Ngoài ra, theo chúng tôi, sinh viên các ngành học khác cũng cần được trang bị kiến thức tối thiểu về lĩnh vực này. Chẳng hạn, cần trang bị những vấn đề hết sức cơ bản như:

1/ Sự phân loại các khoa học.

2/ Các cơ sở khách quan và một số biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên.

3/ Chức năng thế giới quan, phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên.

...v.v..

Những nội dung này có thể được kết cấu thành một chương, một phần của giáo trình triết học cho sinh viên không chuyên triết.

Cũng cần nói thêm rằng, hiện nay, trong lĩnh vực này, chúng ta có những khó khăn nhất định, đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Không có nhiều giảng viên lựa chọn giảng dạy môn học này vì nó quá khó lại ít giờ. Tuy nhiên, dù khó cũng vẫn phải làm. Vấn đề là các nhà quản lý, các cơ sở đào tạo phải mạnh dạn xây dựng môn học và đội ngũ giảng viên đảm nhận nó.

Thứ ba, vấn đề nghiên cứu và giảng dạy môn logic học. Logic học là khoa học về tư duy đúng đắn. Nó ra đời rất sớm và ngay từ khi ra đời, đã được xem là một bộ phận của triết học.

Điều đáng chú ý là, với tư cách khoa học về tư duy, logic học trang bị cho chúng ta *những công cụ để nhận thức* (duy lý) thế giới - đó là các quy luật, quy tắc chỉ đạo các thao tác tư duy trong quá trình nhận thức thế giới khách quan. Theo chúng tôi, với nghiên cứu triết học, ngoài các câu hỏi: thế giới là gì (cái gì có trước, cái gì có sau), thế giới vận động và phát triển ra sao (biến chứng hay siêu hình), còn có vấn đề con người có khả năng nhận thức được thế giới như thế nào (bằng những công cụ, trong đó có tư duy duy lý - logic nào?). Hơn nữa, việc giải đáp câu hỏi cuối này có ảnh hưởng nhất định đến các câu hỏi trên. Có lẽ, đây cũng là một trong các lý do làm cơ sở chẳng những cho sự ra đời rất sớm mà còn cho sự phát triển hết sức mạnh mẽ của logic học (xét trên phạm vi thế giới) hiện nay.

Ở nước ta, có quan niệm thông thường cho rằng logic học gồm hai bộ phận logic hình thức và logic biện chứng và xem logic hình thức là logic học sơ cấp, còn logic học biện chứng mới là logic học cao cấp! Với logic học hình thức, phần lớn mới hiểu đó là logic truyền thống trong khi đó logic học hình thức hiện đại còn ít được chú ý tới. Theo chúng tôi, quan niệm như vậy là chưa thoả đáng và còn hạn chế. Cũng có lẽ xuất

phát từ quan niệm trên nên việc nghiên cứu và giảng dạy logic học ở nước ta có những đặc thù riêng. Trước thời kỳ đổi mới, việc nghiên cứu logic học ít được chú ý, việc giảng dạy logic học (chủ yếu là logic hình thức truyền thống và logic biện chứng) chỉ được thực hiện ở một số rất ít khoa của một số trường đại học. Đó có thể là một sai lầm lớn. Từ khi đổi mới đến nay, logic học (logic học hình thức truyền thống và logic học biện chứng) đã được giảng dạy phổ biến hơn. Song, theo chúng tôi, như thế vẫn là chưa đủ. Đã đến lúc chúng ta cần đưa logic học hình thức hiện đại vào giảng dạy trong các trường đại học ở những mức độ khác nhau. Điều này có những lý do sau đây:

Trước hết, có cơ sở để khẳng định rằng, tư duy logic là một bộ phận thiết yếu của tư duy khoa học. Nói một cách khái quát, tư duy khoa học là sự thống nhất của tư duy biện chứng và tư duy logic. Nếu tư duy biện chứng duy vật cung cấp cơ sở phương pháp luận khoa học cho hoạt động nhận thức và thực tiễn thì tư duy logic sử dụng những công cụ, phương pháp cụ thể cho hoạt động tư duy đúng đắn, những quy luật, quy tắc mà tư duy đúng đắn phải tuân theo. Tư duy logic, cũng là tư duy trừu tượng, chính là phương tiện để nhận thức chân lý khách quan. V.I. Lênin đã từng khẳng định: *Tư duy, khi tiến lên từ cái cụ thể đến cái trừu tượng không xa rời chân lý khách quan - nên nó đúng (...) tất cả những trừu tượng khoa học (đúng đắn, nghiêm túc, không tùy tiện) phản ánh thế giới tự nhiên sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn*(1) và Ph.Ăngghen cũng đã nhận xét rằng, *nếu những tiền đề của chúng ta là những tiền đề đúng và nếu trong quá trình suy luận, chúng ta tuân thủ quy luật của logic học (hình thức - T.G.) thì kết quả nhất định phải phù hợp với hiện thực*. Việc giảng dạy, nghiên cứu logic học hiện đại

cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc *phát triển tư duy logic nói riêng, tư duy khoa học nói chung*.

Cùng với điều đó, hiện nay, logic học đang phát triển rất mạnh, tạo ra các bước đột phá trong sự phát triển của khoa học hiện đại. Chẳng hạn, sự xuất hiện của logic mệnh đề, logic vị từ (cổ điển, lượng từ) đã tạo cơ sở logic cho sự ra đời của các hệ công nghệ tự động hoá của máy tính điện tử, cho việc xây dựng tư duy nhân tạo. Sự ra đời của logic đa trị nói riêng, logic phi cổ điển nói chung đã trang bị cho tư duy con người những công cụ chính xác để nhận thức cái biện chứng khách quan đầy đủ hơn, chính xác hơn, sâu sắc hơn.

Phát triển và trang bị các công cụ nhận thức (của tư duy trừu tượng) là công việc hết sức quan trọng. Chúng ta chỉ có thể làm chủ được khoa học, công nghệ hiện đại khi có sự trang bị ngày càng tốt hơn các công cụ nhận thức. Vì vậy, việc nghiên cứu và giảng dạy logic học hiện đại có ý nghĩa vô cùng to lớn ở nước ta hiện nay.

Chú trọng tới kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy triết học là một trong những đòi hỏi quan trọng nhằm nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học. Những ý kiến trên mang tính gợi ý để chúng ta cùng suy nghĩ trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy triết học thời gian tới. Chúng tôi hy vọng việc chú trọng tới kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy triết học sẽ góp phần nâng cao năng lực tư duy triết học; qua đó, nâng cao năng lực tư duy khoa học ở nước ta hiện nay. □

(1) Xem: V.I. Lênin. *Toàn tập*, t. 29. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr. 179.